

Bản án số: 245/2018/HS-ST
Ngày 22-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Xuân Hiền**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Minh Tân** và bà **Vũ Thị Khuôn**.

Thư ký Tòa án: Bà **Mai Hương Sen** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Đinh Thu Thủy** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 230/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 242/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1977 tại Hải Dương. HKTT và trú tại: 27/40 xóm QT, phường PNL, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị D; có vợ là Nguyễn Thị Thanh Ng (*đã ly hôn*) và 01 con sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định số 643 ngày 12/3/2010, Chủ tịch UBND thành phố Hải Dương áp dụng đưa đi cải thiện bắt buộc trong thời gian 24 tháng; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/6/2018 đến ngày 19/6/2018 chuyển tạm giam tại trại tạm giam Kim Chi-Công an Hải Dương đến nay (*bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- Những người tham gia tố tụng khác:

* Người làm chứng:

+ Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1982; trú tại: 295 NLB, phường TB, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (*vắng mặt*);

+ Anh Vũ Huy Ch, sinh năm 1968; trú tại: 84 NTD, phường TB, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 189/CT-VKSTPHD ngày 07/9/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương truy tố Nguyễn Văn Tr về tội

“Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự với căn cứ:

Khoảng 16 giờ 15 phút, ngày 13/6/2018, tại khu vực trước cửa nhà số 82 NTD, phường TB, thành phố Hải Dương. Phòng cảnh sát Hình sự công an tỉnh Hải Dương phối hợp với công an phường TB, thành phố Hải Dương phát hiện bắt quả tang Nguyễn Văn Tr có hành vi cất giấu trái phép trong vỏ giấy bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long một túi nilon màu trắng kích thước khoảng 02x03cm bên trong túi nilon có chứa các hạt tinh thể rắn màu trắng Tr tự khai là ma túy đá cất giấu để sử dụng cho bản thân. Quá trình bắt, thu giữ túi ma túy của Tr có sự chứng kiến của anh Nguyễn Hữu T ở 295 NLB, phường TB, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương và anh Vũ Huy Ch ở 84 NTD, phường TB, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Văn Tr khai nhận: Do bản thân nghiện ma túy đá nên vào trưa ngày 13/6/2018, Tr đến khu vực gầm cầu Phú Lương gặp và mua của một người đàn ông không quen biết một túi ma túy đá với giá 300.000đ. Sau khi mua được ma túy Tr đã sử dụng một phần, phần còn lại để trong vỏ bao thuốc lá cầm trên tay và đi từ khu vực nhà hàng 559 đến khu vực trước cửa nhà 82 NTD thì bị phát hiện bắt quả tang.

Tại kết luận giám định số 414/KLGD-PC54 ngày 15/6/2018 Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng ghi thu của Nguyễn Văn Tr, gửi đến giám định có khối lượng là 0,142 gam là loại Methamphetamine. Hoàn trả 0,075 gam Methamphetamine.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Tr thừa nhận vào khoảng 16 giờ 15 phút ngày 13/6/2018 bị công an tỉnh Hải Dương bắt giữ do đã thực hiện hành vi cất giấu trái phép một túi Methamphetamine để sử dụng cho bản thân. Bị cáo nhất trí với kết luận giám định; thể hiện thái độ ăn năn hối cải; công nhận Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương đã truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là đúng; bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa trình bày quan điểm giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của bị cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Tr phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tr từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 13/6/2018.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu cho tiêu hủy toàn

bộ mẫu vật hoàn lại sau giám định, trả lại cho bị cáo 01 thẻ căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe và 01 điện thoại di động nhưng tạm quản lý chiếc điện thoại để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ xác định bị cáo Nguyễn Văn Tr có tội và áp dụng pháp luật:

Bị cáo Nguyễn Văn Tr thừa nhận vào khoảng 16 giờ 15 phút, ngày 13/6/2018, tại khu vực trước cửa nhà số 82 NTD, phường TB, thành phố Hải Dương. Đã cố ý thực hiện hành vi cất giấu trái phép một túi Methamphetamine với mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị cơ quan công an phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, kết luận giám định, biên bản niêm phong vật chứng bị tạm giữ. Các tài liệu, chứng cứ nêu trên phù hợp với các chứng cứ khác như: Bản tự khai của bị cáo, biên bản lấy lời khai bị cáo, biên bản hỏi cung bị cáo, biên bản lấy lời khai của người làm chứng đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Từ những chứng cứ nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi cất giấu trái phép chất ma túy với lỗi cố ý, đã trực tiếp xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Hành vi tàng trữ trái phép ma túy là loại Methamphetamine có khối lượng 0,142 gam nên bị cáo bị Viện kiểm sát truy tố và bị đưa ra xét xử về tội danh “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự là đủ căn cứ, đúng người thực hiện hành vi phạm tội và đúng pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Mặt khác bị cáo có bố và mẹ đều được nhà nước tặng thưởng huy chương nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy cần thiết buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn thì mới có đủ tác dụng giáo dục bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đối với vật chứng cơ quan giám định hoàn lại, xét thấy Methamphetamine là chất Nhà nước cấm lưu hành, vỏ bao gói và vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long không còn giá trị sử dụng nên tịch thu cho tiêu hủy. Đối với 01 căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn Tr cần tuyên trả lại cho bị cáo sử dụng. Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 2730C là tài sản của bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên cần tuyên trả lại cho bị cáo nhưng tạm quản lý để đảm bảo thi hành án. Riêng chiếc SIM điện thoại bị cáo không có nhu cầu lấy lại vì không còn giá trị sử dụng nên cần tuyên tịch thu cho tiêu hủy.

Về án phí: Bị cáo có tội nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Trong quá trình điều tra, truy tố; điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về các vấn đề khác:

Hành vi bán ma túy cho Tr của đối tượng nam giới không xác định được nên cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm của người này là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 34M5-3523, thu giữ của bị cáo. Viện kiểm sát xác định không phải là vật chứng nên không quyết định để cơ quan điều tra chuyển vật chứng. Tòa án đã tiến hành trả hồ sơ để Viện kiểm sát quyết định chuyển chiếc xe mô tô sang cơ quan thi hành án dân sự để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết nhưng không được chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét giải quyết đối với chiếc xe trong vụ án này. Hành vi nêu trên của cơ quan điều tra, cơ quan Viện kiểm sát là chưa đảm bảo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử kiến nghị ông Thủ trưởng cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Hải Dương và ông Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương kiểm tra và có biện pháp chỉ đạo Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự trong quá trình điều tra, truy tố.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; điểm c Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c Khoản 2 Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Tr phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tr **13 (mười ba)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 13/6/2018.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số Methamphetamine, vỏ bao gói và vỏ bao thuốc lá Thăng Long hoàn trả sau giám định được đựng trong phong bì niêm phong số 414/KLGD-PC54.

Tịch thu cho tiêu hủy 01 SIM điện thoại (gắn trong điện thoại).

Trả lại cho bị cáo một điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 2730 C nhưng tạm quản lý để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo 01 căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn Tr.

(Vật chứng trên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/9/2018 giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Hải Dương và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Tr phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Văn Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP Hải Dương;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT công an TP Hải Dương;
- Cơ quan THAHS công an TP Hải Dương
- Trại tạm giam Kim Chi – Công an Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Hiền